

CÔNG TY CP DU LỊCH VÀ XNK LẠNG SƠN

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2021**

**CỦA CÔNG TY CP DU LỊCH VÀ XUẤT NHẬP KHẨU
LẠNG SƠN**

Mã chứng khoán: DXL

Lạng sơn, ngày 24 tháng 03 năm 2022

Phụ lục IV**CÔNG TY CP DU LỊCH VÀ
XUẤT NHẬP KHẨU LANG SON****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 22/BC-DLXNK

Lạng Sơn, ngày 24 tháng 03 năm 2022

**BÁO CÁO
Thường niên năm 2021**Kính gửi: - Ủy Ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội**I. Thông tin chung****1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4900101456
- Vốn điều lệ: 39.579.000.000,
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 39.579.000.000,
- Địa chỉ: Số 1A, đường Nguyễn Thái Học, Phường Chi Lăng, Thành phố Lạng Sơn
- Số điện thoại: 0205 3 814 848
- Số fax:
- Website: www.tocolimexlangson.com
- Mã cổ phiếu (nếu có): DXL

Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển: Ngày thành lập: 26/8/2005 theo quyết định của số 1710/QĐ-UBND-KT ngày 26/08/2005 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Lạng Sơn, về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn thành Công ty cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn (sau đây gọi tắt là Công ty). Công ty được Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 4900101456, đăng ký lần đầu ngày 10/03/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10, ngày 06/12/2019.

- Các sự kiện khác:

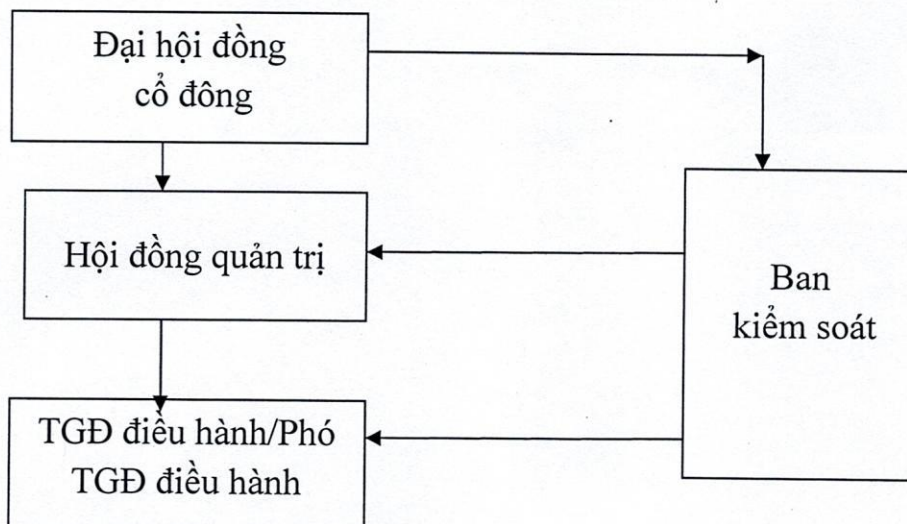
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh dịch vụ khách sạn, dịch vụ ăn uống; Sản phẩm rượu Mẫu Sơn ...

- Địa bàn kinh doanh: Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị:



- Cơ cấu bộ máy quản lý: Cơ cấu bộ máy quản lý được thực hiện và hoạt động theo Luật doanh nghiệp, các luật liên quan và Điều lệ Công ty đã được sửa đổi bổ sung và ban hành theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

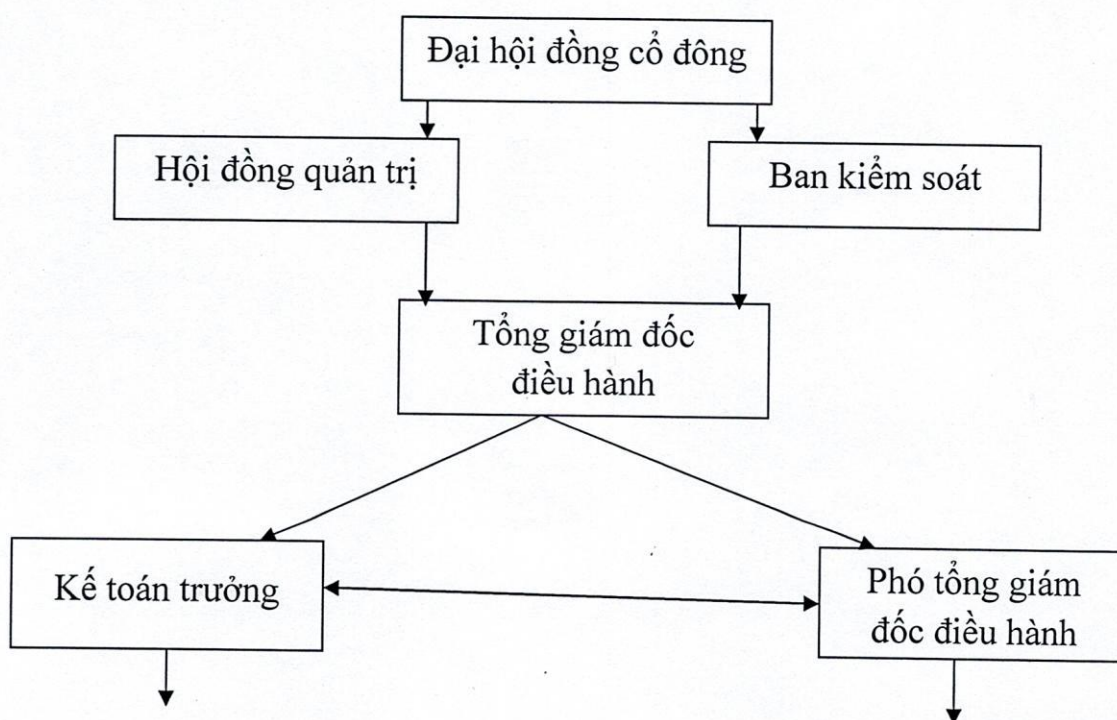
+ Đại hội cổ đông của Công ty là cơ quan cao nhất có thẩm quyền quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo luật định và Điều lệ Công ty.

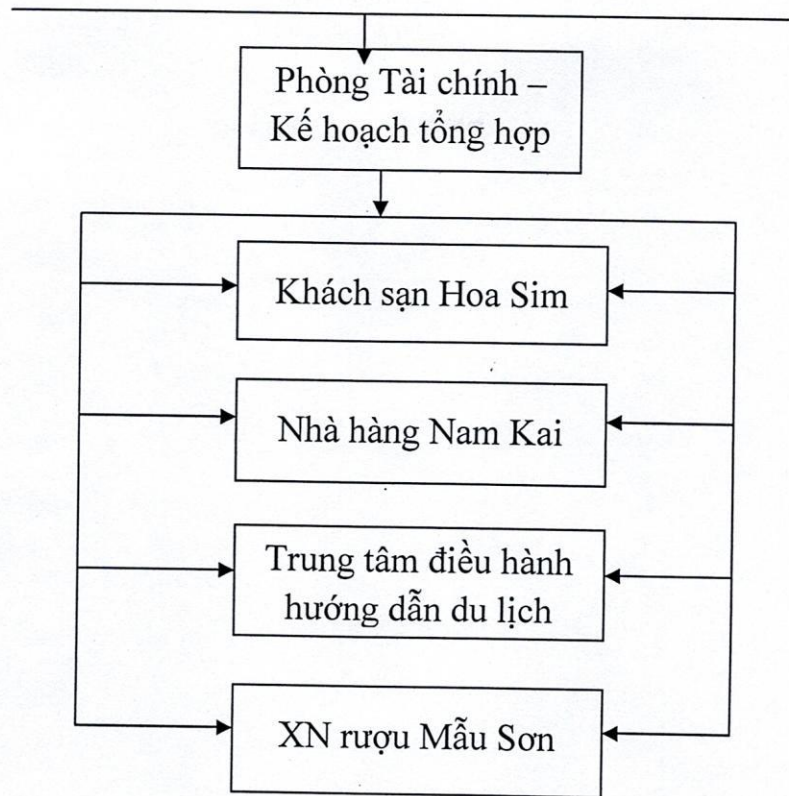
+ Hội đồng quản trị: Do Đại hội đồng cổ đông bầu và là Bộ phận quản lý của Công ty có quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề có liên quan đến mục đích quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc Đại hội cổ đông quyết định

+ Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của công ty.

+ Ban điều hành Công ty gồm: 01 Tổng giám đốc, 01 Phó tổng giám đốc và 01 Kế toán trưởng.

- Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình như sau:





- Các công ty con, công ty liên kết: Không

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, chất lượng phục vụ, nghiêm cứu các sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu thị trường, các nguyên liệu đầu vào rõ nguồn gốc xuất xứ, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn vệ sinh lao động.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Nâng cấp và xây mới khách sạn, nhà hàng, tiếp tục phát triển thêm một số sản phẩm rượu Mẫu Sơn; Đẩy mạnh thị trường du lịch nội địa, mở rộng kinh doanh du lịch quốc tế sang các nước Thái Lan, Campuchia, Singapore ...

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty: Công ty tập trung phát triển các dịch vụ khách sạn- nhà hàng, du lịch và sản phẩm rượu Mẫu Sơn là những sản phẩm đã có thương hiệu của Công ty. Để bảo vệ môi trường các đơn vị trực thuộc đã ký kết với công ty môi trường trong việc xử lý rác thải lỏng và rác thải rắn được xử lý hàng ngày, không để tồn đọng. Công ty tham gia công tác xã hội và các hoạt động cộng đồng như: Ủng hộ kinh phí tổ chức các hoạt động tuyên truyền, văn hóa, thể thao Xã Mai Pha, tài trợ CLB phụ nữ người tiêu dùng Lạng Sơn, ủng hộ quỹ phòng, chống dịch covid-19 của Tỉnh, ủng hộ kinh phí sửa chữa, cải tạo trụ sở công an xã Hoàng Văn Thụ, ủng hộ đồng bào Miền nam bị ảnh hưởng của dịch covid-19, ủng hộ quỹ phong chống thiên tai của thành phố, Tiếp tục thực hiện chương trình tặng học bổng cho các cháu tại Xã Công Sơn đang học đại học. Tổng số tiền ủng hộ là 150.936.000 đồng

5. Các rủi ro: Do dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, khó lường nên công ty không đầu tư lớn, chỉ đầu tư sửa chữa nhỏ, sửa chữa thường xuyên để duy trì hoạt động kinh doanh của các đơn vị chi nhánh.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Lợi nhuận năm 2021 (sau thuế thu nhập doanh nghiệp): - 41.750.237 đồng.

Năm 2021 công ty tiếp tục chịu ảnh hưởng nghiêm trọng của đại dịch covid-19, dịch bệnh bùng phát mạnh trên địa bàn cả nước, dẫn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty gặp rất nhiều khó khăn. Công ty đã tìm nhiều giải pháp để thích ứng kinh doanh trong mùa dịch, tuy nhiên dịch bùng phát nhiều lần trong năm, công ty phải tạm ngừng kinh doanh tại chỗ nhiều lần để phòng chống dịch theo quyết định của Thành phố, các dịch vụ khách hàng đã đặt đều bị hủy, hoạt động kinh doanh thực hiện cầm chừng, riêng mảng lữ hành thì ngừng hẳn. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 không đạt, lao động việc làm không ổn định, để giúp người lao động giảm bớt khó khăn, công ty vẫn thực hiện hỗ trợ lương và đóng đầy đủ các chế độ bảo hiểm bắt buộc cho người lao động, để duy trì và ổn định lao động sau khi hết dịch có nguồn lao động để thực hiện kinh doanh.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

TT	Chỉ tiêu	TH năm 2020	KH 2021	TH năm 2021	% TH/KH
1	Doanh Thu	19.880.100.425	19.234.000.000	15.596.313.436	81,08
2	Chi phí	17.931.128.418	18.734.000.000	15.638.063.673	83,51
3	Lợi nhuận	1.948.972.007	500.000.000	-41.750.237	

Kết quả kinh doanh năm 2021 của toàn Công ty sau thuế thu nhập doanh nghiệp lỗ.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành, tại thời điểm tháng 03/2022:

STT	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Địa chỉ Thường trú	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ CP có quyền biểu quyết (%)
1	Nguyễn Kim Thảo	Nữ	1968	Số 77 Đường Ngô Quyền, Phường Vĩnh Trại, TP Lạng Sơn	Chủ tịch HĐQT, Phó tổng giám đốc điều hành	784.301 (người được ủy quyền đại diện nắm giữ cổ phần của Công ty TNHH Thảo Viên)	19,81
2	Đậu Trường Sinh	Nam	1974	Số 551, Đường Hùng Vương, Thôn Mai Thành, Xã Mai Phan, TP Lạng Sơn	Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc điều hành kiêm giám đốc KS Hoa Sim	450.042 CP	11,37
3	Vũ Mộng Nương	Nữ	1968	Số 36, Đường Lê Hồng Phong, P. Tam Thanh, TP Lạng Sơn	UV HĐQT	162.897CP	4,11
4	Đỗ Thu Huyền	Nữ	1981	Số 7, Ngõ 2, đường Chu Văn An, P. Vĩnh Trại, TP Lạng Sơn	Trưởng ban kiểm soát	64.843 CP	1,63%
5	Bé Thị Thu Hương	Nữ	1979	Tổ 5, khối 8, Phường Đông Kinh, TP Lạng Sơn	Thành viên ban kiểm soát	500	0,01
6	Lê Văn Do	Nam	1974	Chi Mạc, Hoàng Đồng, TP Lạng Sơn	Kế toán trưởng kiêm TP Tài chính - KHTH	500	0,01

- Những thay đổi trong ban điều hành: Không có

- Số lượng cán bộ, nhân viên: Tổng số cán bộ nhân viên 50 người, việc làm không ổn định do dịch bệnh covid-19 diễn biến phức tạp, nhiều lần phải tạm ngừng kinh doanh tại chỗ để phòng chống dịch theo quyết định của Thành phố. Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, người lao động được tạo điều kiện thuận lợi để tham gia các tổ chức Đảng, công đoàn.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Công ty vẫn đang thực hiện dự án hợp tác kinh doanh với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thảo Viên dự án Khu dân cư khối 3, Phường Hoàng Văn Thụ từ ngày 31/12/2020 (dự án 02 năm), với số vốn góp dự kiến từ 20 tỷ đến 25 tỷ và đã góp lần 1 với số tiền 20.343.143.840đ, dự án vẫn đang trong quá trình thực hiện và dự kiến hoàn thành trong năm 2022.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020	% tăng giảm
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng</i>			
Tổng giá trị tài sản	44.356.615.243	109.952.514.102	Giảm 59,66%
Doanh thu thuần	13.892.821.666	18.321.725.770	Giảm 24,17%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	53.834.235	2.022.920.511	Giảm 97,34%
Lợi nhuận khác	- 67.705.903	38.853.672	
Lợi nhuận trước thuế	- 13.871.668	2.061.774.183	
Lợi nhuận sau thuế	- 41.750237	1.948.972.007	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	- 10,55	492,43	
<i>* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản			
Doanh thu			
Thuế và các khoản phải nộp			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

- Các chỉ tiêu khác: Không

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1.034	8.69	
+ Hệ số thanh toán nhanh:	6.97	6.37	

<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho/</u>			
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.02	0.60	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.03	1.52	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	2.88	3.37	
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
+ Vòng quay tổng tài sản	0.31	0.16	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân			
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		1.06	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu		0.04	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		0.01	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.38	0.11	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Căn cứ Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán chốt ngày 01.06.2021 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và Báo cáo mua, bán cổ phần của người nội bộ, người có liên quan và cổ đông lớn năm 2021, Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu cụ thể như sau:

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 3.957.900 CP.
- + Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 3.949.570 CP.
- + Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 8.330 CP.

b) Cơ cấu cổ đông:

- Cổ đông lớn: 06 cổ đông, nắm giữ 3.372.626 CP chiếm 85,21%
- Cổ đông nhỏ: 78 cổ đông, nắm giữ 585.274CP chiếm 14,79%
- Cổ đông tổ chức: 03 cổ đông, nắm giữ 858.061 CP chiếm 21,68%
- Cổ đông cá nhân: 81 cổ đông, nắm giữ 3.099.839 CP chiếm 78,32%
- Cổ đông trong nước: 82 cổ đông, nắm giữ 3.884.140CP chiếm 98,13%
- Cổ đông nước ngoài: 02 cổ đông, nắm giữ 73.760CP chiếm 1,87%
- Cổ đông nhà nước: Không
- Cổ đông khác: không

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Năm 2010 chào bán cổ phiếu ra công chúng, số lượng phát hành 268.900 CP, trị giá 2.689.000.000đồng, đối tượng chào bán: cán bộ nhân viên người lao động của công ty, đơn vị cấp Ủy ban chứng khoán Nhà nước

- Năm 2018 chào bán cổ phiếu riêng lẻ, số lượng cổ phiếu phát hành 1.000.000 CP, giá trị 10.000.000.000 đồng, đối tượng chào bán: Bà Nguyễn Thị Tú Oanh, đơn vị cấp Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e) Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường

Công ty CP du lịch và XNK Lạng Sơn không phát thải khí nhà kính.

Hàng năm đều có công ty môi trường kiểm tra mức độ ô nhiễm môi trường ở khu vực hoạt động và đều được đánh giá an toàn. Công ty luôn ý thức được việc bảo vệ môi trường là quan trọng nên không xảy ra vi phạm.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính: Tổng lượng rượu Mẫu sơn sử dụng để đóng bình: 11.221 lít, Tổng số bình dùng để đóng rượu: 29.631 bình

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính: Không có

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Năng lượng sử dụng chủ yếu là điện thấp sáng, sử dụng điều hòa và các quạt thông gió, quạt điện, bếp từ, tổng số tiền điện là 344.706.044 đồng.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không có

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không có

6.4. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

Nguồn nước công ty sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh do Công ty cấp thoát nước Lạng Sơn cung cấp. Tổng số tiền nước dùng trong năm: 160.715.089 đồng.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Tổng số lao động của công ty đến thời điểm tháng 03/2022 là: 50 người, mức lương trung bình đạt 4.236.000 đồng/người.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Công ty thực hiện đúng các quy định của Bộ luật lao động về lao động, tiền lương, việc làm và các chế độ chính sách đối với người lao động. Người lao động được công ty đóng đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm tai nạn lao

động – bệnh nghề nghiệp. Người lao động trực tiếp đều được khám sức khỏe định kỳ một năm 01 một lần, trước tác động nguy hiểm của dịch bệnh covid-19 người lao động được thực hiện giãn cách trong quá trình làm việc, phân công mỗi ca làm việc thường xuyên 7 ngày liên tục sau đó đổi ca, trước mỗi ca làm việc người lao động đều được test nhanh covid-19 để đảm bảo an toàn, người lao động được trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo vệ cá nhân như khẩu trang, găng tay, áo bảo hộ, còn sát khuẩn ..., môi trường làm việc được bảo đảm an toàn lao động. Các chế độ phúc lợi của người lao động được thực hiện như thăm hỏi khi ốm đau. Công ty phối hợp với công đoàn cơ sở đều tổ chức cho CBNV – người lao động đi tham quan học tập kinh nghiệm, trải nghiệm nhân dịp 08/3 và 20/10 sau những ngày làm việc vất vả, tạo không khí vui tươi, tái tạo sức lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.

Đối với các ngành nghề là buồng, bàn, bếp, lễ tân, bảo vệ, sản xuất rượu (chiết rót), bán hàng, lao động mới được tuyển dụng, số ngày đào tạo hướng dẫn thường từ 03 đến 5 ngày/người; người lao động được đào tạo tại chỗ 06 ngày/năm

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

Năm 2021 dịch bệnh Covid-19 bùng phát liên tục nên việc học tập, đào tạo không được thực hiện, chủ yếu đào tạo tại chỗ.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Công ty tham gia các hoạt động cộng đồng tại địa phương do địa phương phát động gồm Ủng hộ kinh phí tổ chức các hoạt động tuyên truyền, văn hóa, thể thao Xã Mai Pha, tài trợ CLB phụ nữ người tiêu dùng Lạng Sơn, ủng hộ quỹ phòng, chống dịch covid-19 của Tỉnh, ủng hộ kinh phí sửa chữa, cải tạo trụ sở công an xã Hoàng Văn Thụ, ủng hộ đồng bào Miền nam bị ảnh hưởng của dịch covid-19, ủng hộ quỹ phong chống thiên tai của thành phố, Tiếp tục thực hiện chương trình tặng học bổng cho các cháu tại Xã Công Sơn đang học đại học. Tổng số tiền ủng hộ năm 2021 là 150.936.000 đồng

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty: Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn hoạt động đa ngành nghề, nhưng các lĩnh vực chính đang thực hiện kinh doanh là dịch vụ khách sạn – nhà hàng, sản xuất và tiêu thụ rượu Mẫu Sơn v.v... Năm 2021 chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid-19, nên Ban giám đốc công ty đã dự tính kinh doanh của công ty vẫn còn gặp nhiều khó khăn, nên trong xây dựng kế hoạch kinh doanh đã rất cần nhắc để đảm bảo hoàn thành được kế hoạch. Kế hoạch kinh doanh năm 2021 đã được thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021, Ban giám đốc điều hành công ty đã triển khai kế hoạch kinh doanh với nhiều hình thức khác nhau như nâng cao chất lượng sản phẩm, chất lượng phục vụ, đưa ra những món ăn sản phẩm mới để phục vụ khách hàng, thuê đầu bếp Trung Quốc có tay nghề cao để thay đổi thực đơn phong phú và được khách hàng đón nhận. Tuy nhiên với đợt bùng phát dịch Covid-19 lần thứ 4 quá nặng nề, các ngành nghề kinh doanh như dịch vụ Nhà hàng, Rượu mẫu Sơn phải ngừng kinh doanh tại chỗ nhiều lần theo quy định chống dịch của Thành phố, nên kinh doanh chỉ cầm chừng, vắng khách; mảng khách sạn do không có khách đi du lịch, hội họp nên cũng rất vắng, doanh thu thấp; mảng du lịch ngừng hẳn, dẫn đến kết quả kinh doanh lỗ.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được: Mặc dù Công ty kinh doanh gặp khó khăn, nhưng các chế độ bảo hiểm của người lao động được đóng đầy đủ, người lao động được công ty hỗ trợ một phần lương những tháng nghỉ giãn cách chống dịch, không có lao động nào phải bắt buộc nghỉ việc, công ty vẫn giữ lại toàn bộ lao động để có nguồn lao động khi dịch lắng xuống có lao động để hoạt động kinh doanh ngay.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản: Tổng tài sản năm 2021 là 44.356.615.243 đồng (*Bốn mươi bốn tỷ ba trăm năm sáu triệu sáu trăm mười lăm nghìn hai trăm bốn ba đồng*).

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2021	2020	Chênh lệch
1	Tài sản ngắn hạn	12.893	14.593	-1.700
	Trong đó:			
	- Tiền và các khoản tương đương tiền	6.492	7.983	-1.491
	- Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
	- Các khoản phải thu ngắn hạn	1.909	2.675	-766
	- Hàng tồn kho	4.194	3.896	298
	- Tài sản ngắn hạn khác	296	37	259
2	Tài sản dài hạn	31.463	95.359	-63.896
	Trong đó			
	- Phải thu dài hạn	21.576	21.143	433
	- Tài sản cố định	6.985	8.077	-1092
	- Tài sản dở dang dài hạn	635	635	0
	- Tài sản đầu tư tài chính dài hạn	0	64.622	
	- Tài sản dài hạn	2.265	879	1.386
	Tổng tài sản	44.356	109.952	-65.596

Tổng tài sản năm 2021 giảm so với năm 2020 là: Công ty góp vốn với tỷ lệ 15% phần sở hữu và quyền biểu quyết tương ứng tại Công ty CP Quốc tế Lạng Sơn (trước đây là Công ty Liên doanh Quốc tế Lạng Sơn). Nguồn vốn góp từ khoản vay 4.050.000 USD của Công ty CP Quốc tế Lạng Sơn. Tại thời điểm 30/06/2021, khoản đầu tư của Công ty vào công ty CP Quốc tế Lạng Sơn đã được chuyển nhượng toàn bộ theo Nghị quyết chuyển nhượng cổ phần và chuyển giao nghĩa vụ trả nợ số 22/NQ-HĐQT ngày 30/06/2021, Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 30/06/2021 và thỏa thuận bù trừ với khoản vay ngày 30/06/2021 giữa Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn và công ty CP Quốc tế Lạng Sơn, dẫn đến tài sản giảm.

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ: Nợ phải trả của công ty tại thời điểm 31/12/2021 là 1.296.630.060 đồng (*Một tỷ hai trăm chín sáu triệu sáu trăm ba mươi nghìn không trăm sáu mươi mốt đồng*), trong đó nợ ngắn hạn 1.246.630.060 đồng, nợ dài hạn 50.000.000đ. Không có nợ xấu.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: không có.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Năm 2021 Công ty không có thay đổi về tổ chức, chính sách và quản lý. Đội ngũ cán bộ vẫn thực hiện tinh giản tối đa và kiêm nhiệm công việc để tiết kiệm chi phí quản lý.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Công ty có kế hoạch mở rộng kinh doanh xây mới khách sạn, nâng cấp nhà hàng và phát triển một số sản phẩm rượu.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): Không

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường: (tiêu thụ nước, năng lượng, rác thải...)

Công ty thực hiện kinh doanh chính là khách sạn, nhà hàng, sản xuất và tiêu thụ rượu Mẫu Sơn đều là những ngành dịch vụ, nên yếu tố vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm được đưa lên hàng đầu. Định kỳ các cơ quan chức năng đến đo đạc về chỉ số an toàn môi trường nơi làm việc và đều đạt kết quả tốt. Công ty thực hiện thu gom rác thải đúng quy định, để Công ty môi trường đến thu gom hàng ngày, trong năm công ty không bị xử phạt vi phạm môi trường.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Chế độ của người lao động được Công ty thực hiện đúng các quy định của Bộ luật lao động năm 2019 và Luật bảo hiểm xã hội. Các chế độ về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, nghỉ phép, nghỉ lễ tết, tiền lương, lao động đều được công ty đóng các chế độ như BHXH, BHYT, BHTN, bảo hiểm TNL-BNN. Năm 2021 do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên ngày công làm việc không đảm bảo, thực hiện giãn cách, chia ca để bảo đảm an toàn, nhưng công ty vẫn hỗ trợ trả lương tối thiểu vùng hoặc theo ngày công đi làm giúp người lao động vượt qua giai đoạn khó khăn, toàn thể người lao động đều được khen thưởng cuối năm theo đánh giá xếp loại lao động A,B,C tuy mức thưởng còn thấp nhưng đã chia sẻ khó khăn và động viên khích lệ người lao động trong tình hình khó khăn hiện nay. Người lao động được tạo điều kiện tham gia tổ chức đảng, tổ chức công đoàn. Người lao động được thăm hỏi khi ốm đau cả vật chất lẫn tinh thần, Công ty phối hợp với Công đoàn cơ sở tổ chức cho người lao động đi tham quan học tập kinh nghiệm, trải nghiệm nhân dịp ngày 08/3, 20/10 ... tổ chức cho con em cán bộ vui tết thiếu nhi 1/6, tết trung thu ... người lao động yên tâm công tác, dù gặp khó khăn nhưng vẫn gắn bó lâu dài với công ty.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty tham gia các hoạt động cộng đồng do địa phương phát động như: Ủng hộ kinh phí tổ chức các hoạt động tuyên truyền, văn hóa, thể thao Xã Mai Pha, tài trợ CLB phụ nữ người tiêu dùng Lạng Sơn, ủng hộ quỹ phòng, chống dịch covid-19 của Tỉnh, ủng hộ kinh phí sửa chữa, cải tạo trụ sở công an xã Hoàng Văn Thụ, ủng hộ đồng bào Miền nam bị ảnh hưởng của dịch covid-19, ủng hộ quỹ phong chống thiên tai của thành phố, Tiếp tục thực hiện chương trình tặng học bổng cho các cháu tại Xã Công Sơn đang học đại học. Tổng số tiền ủng hộ năm 2021 là 150.936.000 đồng

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

- Về nhân sự: Không thay đổi

- Về sản xuất kinh doanh: Công ty thực hiện kinh doanh theo đúng các quy định của pháp luật, hoạt động kinh doanh về khách sạn, nhà hàng, rượu Mẫu Sơn, các dịch vụ của công ty đều được khách hàng đón nhận và được đánh giá cao, đội ngũ nhân viên có tay nghề trình

độ. Tuy nhiên ảnh hưởng của Đại dịch Covid-19 hoạt động kinh doanh của công ty gặp nhiều khó khăn, các giải pháp đưa ra đều không thực hiện được, do thực hiện giãn cách để chống dịch và tâm lý lo sợ lây lan dịch bệnh nên các hoạt động của ngành du lịch, dịch vụ đều bị ngừng trệ, hoạt động cầm chừng, không hoàn thành được kế hoạch kinh doanh.

- Về trách nhiệm đối với môi trường và xã hội: Công ty luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, rác thải đều được thu gom xử lý đúng quy định, trong năm không bị xử lý vi phạm về môi trường. Đối với công tác xã hội Công ty tham gia các hoạt động cộng đồng, từ thiện do địa phương tổ chức và vẫn duy trì việc trao học bổng cho con em xã Công Sơn thi đỗ và đang học đại học tại các trường đại học trong cả nước. Tổng số tiền đóng góp cho các hoạt động cộng đồng là: 150.936.000 đồng ...

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Năm 2021 Ban giám đốc điều hành công ty đã tổ chức điều hành hoạt động của Công ty đúng quy định của Điều lệ công ty và Luật Doanh nghiệp. Tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời Nghị quyết đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT. Chủ động tìm các giải pháp đề cùng Trưởng các chi nhánh triển khai, thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh. Trong lúc dịch bệnh bùng phát kinh doanh dịch vụ khách sạn nhà hàng, du lịch đều bị ngưng trệ, Ban giám đốc đã chủ động tìm nguồn khách là đối tượng phải cách ly F1 tự trả phí đến cách ly tại khách sạn để có doanh thu, có việc làm cho người lao động ở khách sạn - nhà hàng. Kết quả kinh doanh tuy không đạt nhưng các chế độ của người lao động đã được công ty quan tâm và đóng đầy đủ không nợ đọng, không có lao động bắt buộc phải nghỉ việc, người lao động gắn bó và cùng công ty vượt qua khó khăn.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Chỉ đạo, giám sát Ban giám đốc thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, thực hiện chính sách tiết kiệm, giảm chi phí không phù hợp.

Tổ chức các cuộc họp thường kỳ của Hội đồng quản trị hoặc họp bất thường để đưa ra các chiến lược định hướng phát triển công ty, nếu vượt thẩm quyền thì trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Hàng quý đánh giá hoạt động điều hành của Ban giám đốc và các chi nhánh trực thuộc để kịp thời đưa ra các chiến lược kinh doanh phù hợp với từng thời điểm, để hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh đề ra

Thực hiện đúng chế độ thông tin báo cáo, thông tin minh bạch, công khai tình hình quản trị công ty cho các cổ đông, cho nhà đầu tư và các cơ quan chức năng, đảm bảo lợi ích cao nhất của cổ đông.

Bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027. Ổn định việc làm, thu nhập, đời sống và thực hiện các chế độ bảo hiểm theo quy định cho người lao động trong công ty, củng cố lại Trung tâm điều hành hướng dẫn du lịch, bổ sung 01 Phó Tổng giám đốc.

Tiếp tục nghiên cứu thị trường, diễn biến tình hình dịch bệnh covid - 19 để trình Đại hội đồng cổ đông phương án đầu tư xây dựng khách sạn Hoa Sim hoặc trung tâm tổ chức sự kiện tại khu đất Khách sạn - Nhà hàng Hoa Sim; định hướng phát triển thương hiệu rượu Mầu Sơn ra một số địa phương như Quảng Ninh, Thái Nguyên, Bắc Giang, Bắc Cạn, Cao Bằng.... Tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ nhà hàng, du lịch, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, vệ sinh lao động. Giữ gìn môi trường Xanh - Sạch - Đẹp; tham gia các hoạt động cộng đồng và xã hội do địa phương tổ chức.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị :

Thành viên hội đồng quản trị tại thời điểm 31/12/2021 và đến thời điểm báo cáo:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ CP có quyền biểu quyết (%)	Ghi chú
1	Nguyễn Kim Thảo	Chủ tịch HĐQT	784.301 <small>(người được ủy quyền đại diện nắm giữ phần vốn của Công ty TNHH Thảo Viên)</small>	19,81	- Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty TNHH Thảo Viên; Giám đốc Công ty CP đầu tư và thương mại Thảo Linh Lạng Sơn - Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn
2	Đậu Trường Sinh	Ủy viên HĐQT	450.042 CP	11,37%	Tổng Giám đốc Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn
3	Vũ Mộng Nương	Ủy viên HĐQT	162.897CP	4,11%	Thành viên không điều hành (Thành viên HĐQT của công ty TNHH Thảo Viên)

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ thành tháng, quý theo đúng quy định của Điều lệ Công ty. Các cuộc họp đều do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, thảo luận đảm bảo tính nghiêm túc và trách nhiệm. Các thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp đầy đủ và có tính trách nhiệm cao. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được ban hành đúng chức năng, quyền hạn phù hợp với nghị quyết của đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty và đúng quy định của pháp luật.

Năm 2021 Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 13 cuộc họp, các cuộc họp đều lập thành biên bản và ban hành nghị quyết, quyết định để chỉ đạo các nội dung thuộc chức trách và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị để triển khai thực hiện chiến lược kinh doanh của Công ty, đồng thời đánh giá giá sát hoạt động của Ban tổng giám đốc.

Các cuộc họp của HĐQT:

STT	Ngày, tháng năm họp	Nội dung	Kết quả
1.	05/01/2021	BB V/v gia hạn cho Công ty TNHH Thảo viên vay tiền	01/BB-HĐQT
		NQ V/v gia hạn cho Công ty TNHH Thảo viên vay tiền	02/NQ-HĐQT 05/01/2021
2.	07/01/2021	BB V/v Chấm dứt việc cho Công ty TNHH Thảo Viên vay tiền	02A/BB-HĐQT
3.	11/03/2021	BB V/v Chốt danh sách cổ đông, thành lập ban tổ chức Đại hội thường niên năm 2021; Ban kiểm tra tư cách cổ đông	04/BB-HĐQT
		NQ v/v Chốt danh sách cổ đông để đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	05/NQ-HĐQT 11/03/2021
		Quyết định thành lập Ban tổ chức đại hội thường niên năm 2021	06/QĐ-HĐQT 11/03/2021
4.	06/4/2021	BB v/v thông qua nội dung chương trình cuộc họp đại hội thường niên năm 2021	07/BB-HĐQT
5.	07/4/2021	BB v/v Ra hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và hủy tư cách công ty đại chúng	08/BB-HĐQT
		NQ v/v ra hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	09/NQ-HĐQT 07/4/2021

6.	11/5/2021	BB v/v hủy danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán; chốt danh sách cổ đông để đại hội thường niên 2021; thời gian tổ chức Đại hội thường niên 2021	11/BB-HĐQT
		NQ v/v Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	12/NQ-HĐQT 11/05/2021
7.	14/5/2021	BB Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020	13/BB-HĐQT
		NQ v/v lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020	14/NQ-HĐQT 14/05/2021
8.	07/6/2021	BB v/v thông qua thời gian, chương trình đại hội thường niên 2021; báo cáo kiểm toán và các nội dung trình tại đại hội thường niên năm 2021	15/BB-HĐQT
9.	30/6/2021	BB v/v chuyển nhượng cổ phần và chuyển giao nghĩa vụ trả nợ tại công ty cổ phần quốc tế Lạng Sơn	21/BB-HĐQT
		NQ v/v chuyển nhượng cổ phần và chuyển giao nghĩa vụ trả nợ tại công ty cổ phần quốc tế Lạng Sơn	22/NQ-HĐQT 30/06/2021
10.	29/09/2021	BB V/v trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2021	24/BB-HĐQT
11.	01/12/2021	BB V/v lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021	26/BB-HĐQT
		NQ V/v lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021	27/NQ-HĐQT 01/12/2021
12.	20/12/2021	BB V/v thanh lý đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 và lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính mới	28-BB/DHĐQT
		NQ Thay đổi đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021	29/NQ-HĐQT 20/12/2021
13.	31/12/2021	Xem xét phê duyệt kết quả xếp loại lao động, thi đua khen thưởng năm 2021, tiền lương và ký hợp đồng lao động năm 2022.	30/BB-HĐQT

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong: Không có

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ CP có quyền biểu quyết (%)	Ghi chú
1	Đỗ Thu Huyền	Trưởng ban kiểm soát	64.843	1,63	
2	Bé Thị Thu Hương	Ủy viên ban kiểm soát	500	0,01	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát : Năm 2021 Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của Ban theo quy định như:

- Giám sát tình hình hoạt động của Công ty CP du lịch và XNK Lạng Sơn. Trong năm 2021, Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ các chức trách, nhiệm vụ theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động quản trị, điều hành và các mặt hoạt động kinh doanh của Tổng giám đốc giám đốc Công ty, cụ thể:

+ Giám sát việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị.

+ Giám sát công tác quản trị và điều hành của Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc.

+ Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán được thực hiện bởi Công ty TNHH hàng kiểm toán và định giá ATC.

+ Đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác quản lý tài chính, đầu tư, điều hành kinh doanh và tổ chức hạch toán kế toán đảm bảo hoạt động của

Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

+ Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

- Trong năm Ban Kiểm Soát đã tổ chức 02 cuộc họp, bao gồm thẩm định báo cáo tài chính năm 2020, thông qua dự thảo Báo cáo của Ban kiểm soát trình đại hội thường niên năm 2021; giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và giám sát quản lý điều hành của Ban giám đốc. Ban kiểm soát được tham gia đầy đủ các cuộc họp cùng Hội đồng quản trị (như nêu tại mục c.1.V)

Ban kiểm soát hoạt động đúng quy định của Điều lệ công ty và quy định của pháp luật.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích đến thời điểm 31/12/2020:

TT	Họ và tên	Chức danh	Lương và các khoản phụ cấp	Thưởng	Thù lao	Lợi ích	Cộng
1	Nguyễn Kim Thảo	Chủ tịch HĐQT kiêm phó tổng giám đốc	192.288.462		0	0	192.288.462
2	Đậu Trường Sinh	UV HĐQT, Phó tổng giám đốc, thư ký công ty, kiêm giám đốc KS Hoa Sim	216.021.969				216.021.969
3	Vũ Mộng Nương	Ủy viên HĐQT	30.000.000		0	0	30.000.000
4	Đỗ Thu Huyền	Ủy viên BKS	19.800.000		0	0	19.800.000
5	Bé Thị Thu Hương	Ủy viên BKS	120.749.997				120.749.997
6	Lê Văn Do	Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng TCKT	131.502.738		0	0	131.502.738
Tổng cộng			710.363.166				710.363.166

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, người có liên quan, cổ đông lớn :

Trong năm 2021 cổ đông nội bộ, người có liên quan, cổ đông lớn hiện giao dịch mua, bán cổ phần như sau:

STT	Người thực hiện giao dịch	Người nội bộ/người có liên quan	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1	Đậu Trường Sinh	Người nội bộ	120.500	3,045	450.042	11,37	Mua CP
2	Vũ Mộng Nương	Người nội bộ	130.747	3,304	162.897	4,11	Mua CP
3	Đỗ Thu Huyền	Người nội bộ	48.768	1,233	64.843	1,63	Mua CP
4	Nguyễn Văn Thanh	Cổ đông lớn	25.500	13,909	703.193	17,76	Mua CP
5	Nguyễn Thị Xoan	Cổ đông lớn	2.000	0,05	235.090	5,94	Mua CP
6	Juan Hsiao Mei	Cổ đông lớn	750.000	18,95	0		Bán CP

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

e) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Thực hiện chế độ thông tin báo cáo cơ quan chức năng định kỳ hoặc đột xuất, thực hiện công bố thông tin bất thường, định kỳ trên trang điện tử của UBCK Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và trang điện tử của Công ty đúng quy định.

VI. Báo cáo tài chính

Ý kiến của Kiểm toán viên:

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần nêu trên, Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số V.6 trong bản thuyết minh báo cáo tài chính, theo đó Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn và Công ty TNHH Thảo Viên (bên liên quan) ký hợp đồng hợp tác kinh doanh số 35/HĐHTKD ngày 31/12/2020 về xây dựng khu Dân cư khối 3, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn. Thời gian hợp tác là 2 năm kể từ ngày 31/12/2020 đến hết ngày 31/12/2022. Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn được hưởng lợi nhuận là 8%/năm không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của dự án. Tiền đầu tư chuyển từ gốc và lãi cho vay đến ngày 31/12/2021 là 21.156.869.593 đồng mà Công ty TNHH Thảo Viên phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác với kết luận và ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với các Báo cáo tài chính này.

Ngô Bá Duy

Giám đốc kiểm toán

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2018-034-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT
NAM**

Phạm Thị Hiền

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2449-2018-
034-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
Đơn vị tính: VND					
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		12.893.172.497	14.593.271.663
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	6.492.863.934	7.983.378.893
1	Tiền	111		6.492.863.934	5.883.378.893
2	Các khoản tương đương tiền	112		-	2.100.000.000
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.909.392.697	2.675.697.528
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	494.259.834	973.721.044
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3.	390.998.000	470.398.000
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5.	-	52.000.000
4	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6.	1.026.004.863	1.549.578.484
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.870.000)	(370.000.000)
IV	Hàng tồn kho	140		4.194.833.365	3.896.849.181
1	Hàng tồn kho	141	V.7.	4.233.797.568	3.896.849.181
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		296.082.501	37.346.061
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11.	136.070.726	16.856.061
2	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14.	160.011.775	20.490.000
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		31.463.442.746	95.359.242.439
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		21.576.869.593	21.143.143.840
1	Phải thu dài hạn khác	216	V.6.	21.576.869.593	21.143.143.840
II	Tài sản cố định	220		6.985.151.637	8.077.989.259
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.9.	6.985.151.637	8.077.989.259
-	Nguyên giá	222		25.918.644.885	25.398.291.565
-	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.933.493.248)	(17.320.302.306)
2	Tài sản cố định vô hình	227	V.10.	-	-
-	Nguyên giá	228		97.500.000	97.500.000
-	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(97.500.000)	(97.500.000)
III	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240		635.490.455	635.490.455
1	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8.	635.490.455	635.490.455
V	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.4.	-	64.622.821.897
1	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	64.622.821.897
VI	Tài sản dài hạn khác	260		2.265.931.061	879.796.988
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11.	2.265.931.061	879.796.988

TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)		270	44.356.615.243	109.952.514.102
C	NỢ PHẢI TRẢ	300	1.296.630.060	66.350.778.682
I	Nợ ngắn hạn	310	1.246.630.060	1.677.956.785
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311 V.12.	65.344.284	126.256.818
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312 V.13.	-	13.000.000
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313 V.14.	146.818.210	341.091.637
4	Phải trả người lao động	314	-	156.400.000
5	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318 V.16.	460.745.453	595.254.544
6	Phải trả ngắn hạn khác	319 V.15.	54.972.522	167.184.195
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320 V.17.	55.000.000	170.000.000
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	463.749.591	108.769.591
II	Nợ dài hạn	330	50.000.000	64.672.821.897
1	Phải trả dài hạn khác	337 V.15.	50.000.000	50.000.000
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338 V.17.	-	64.622.821.897
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	43.059.985.183	43.601.735.420
I	Vốn chủ sở hữu	410 V.18.	43.059.985.183	43.601.735.420
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411	39.579.000.000	39.579.000.000
-	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a	39.579.000.000	39.579.000.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	418	3.395.147.734	3.895.147.734
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	85.837.449	127.587.686
-	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước</i>	421a	127.587.686	(1.730.173.867)
-	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay</i>	421b	(41.750.237)	1.857.761.553
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)		440	44.356.615.243	109.952.514.102

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	13.892.821.666	18.321.725.770
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		13.892.821.666	18.321.725.770
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	12.101.092.827	13.155.610.668
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.791.728.839	5.166.115.102
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	1.668.491.769	1.519.106.910
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	2.000.000	2.650.000
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7.	1.551.036.744	1.870.503.225
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.	1.853.349.629	2.789.148.276
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		53.834.235	2.022.920.511
11. Thu nhập khác	31	VI.5.	35.000.001	39.267.745
12. Chi phí khác	32	VI.6.	102.705.904	414.073
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		(67.705.903)	38.853.672
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(13.871.668)	2.061.774.183
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9.	27.878.569	112.802.176
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(41.750.237)	1.948.972.007
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10.	(10,55)	492,43

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2021	Năm 2020
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		14.727.500.191	20.277.067.117
2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(11.397.936.171)	(11.956.089.000)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.084.332.133)	(2.895.410.696)
4 Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(287.374.725)	-
5 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.345.290.200	15.831.129.151
6 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(3.129.513.923)	(19.466.774.330)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(826.366.561)	1.789.922.242
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(520.353.320)	(201.818.182)
2 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(580.000.000)
3 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		52.000.000	3.948.000.000
4 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		41.040.262	1.014.641.154
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(427.313.058)	4.180.822.972
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1 Tiền thu từ đi vay	33		55.000.000	170.000.000
2 Tiền trả nợ gốc vay	34		(170.000.000)	(185.000.000)
3 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(121.835.340)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(236.835.340)	(15.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(1.490.514.959)	5.955.745.214
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		7.983.378.893	2.027.633.679
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	6.492.863.934	7.983.378.893

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn được chuyển đổi trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn theo Quyết định số 1710/QĐ- UBND-KT ngày 26 tháng 08 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 4900101456, đăng ký lần đầu ngày 10/03/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 16/12/2019.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 16 tháng 12 năm 2019, vốn điều lệ của Công ty là **39.579.000.000 đồng (Ba mươi chín tỷ, năm trăm bảy mươi chín triệu đồng chẵn)**.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực Nhà hàng, khách sạn; Dịch vụ Du lịch lữ hành; Sản xuất rượu.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý du lịch
- Điều hành tua du lịch
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh
- Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi trường lao động, việc làm
- Bán buôn thực phẩm

Trụ sở Công ty tại: Số 1A, đường Nguyễn Thái Học, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.

Do ảnh hưởng toàn cầu về sự bùng phát và lây lan của đại dịch do virus corona ("Covid 19") đã và đang tác động đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và lĩnh vực du lịch, khách sạn nói riêng. Vì vậy, trong năm 2021 lượng khách du lịch giảm đáng kể dẫn đến Công ty có sự sụt giảm về doanh thu và lợi nhuận trong năm.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, gồm:

Tên	Địa chỉ
Trung tâm điều hành hướng dẫn du lịch	Số 1A, đường Nguyễn Thái Học, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
Khách sạn Hoa Sim	Số 1A, đường Nguyễn Thái Học, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
Xí nghiệp Rượu Mẫu Sơn	Số 88 đường Bắc Sơn, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Nhà hàng Nam Kai

Số 53 Lương Văn Chi, phường Hoàng Văn
Thụ, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

7. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Khoản đầu tư tài chính dài hạn là khoản Công ty góp vốn với tỷ lệ 15% phần sở hữu và quyền biểu quyết tương ứng tại Công ty Cổ phần Quốc tế Lạng Sơn, (trước đây là Công ty Liên doanh Quốc tế Lạng Sơn). Nguồn tài trợ 100% cho khoản vốn góp này là khoản vay 4.050.000 USD của Công ty Cổ phần Quốc tế Lạng Sơn. Bên đảm bảo liên đới là Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Kể từ khi Công ty Cổ phần Quốc tế Lạng Sơn kinh doanh có lãi thì bên cho vay có quyền được khấu trừ phần lợi nhuận mà bên vay được hưởng theo tỷ lệ góp vốn trong liên doanh để trả cho khoản vay này. Nếu công ty liên doanh chưa có lãi, làm cho Tocolimex không có khả năng hoàn trả thì không phải hoàn trả, đợi đến khi được chia lãi thì Tocolimex sẽ trả. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá khoản đầu tư này không chịu bất kỳ rủi ro nào nên không trích lập dự phòng.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn thu hồi của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cho đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán vì thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự dẫn đến khả năng không thu hồi được nợ đúng hạn.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền trong trường hợp là hàng hóa và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

5. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ

5.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 45
Máy móc, thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 08
Tài sản cố định khác	04 - 25

5.2

Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định được bán thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm quản lý

Chương trình phần mềm

Nguyên giá của phần mềm quản lý là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí xây dựng Công trình khách sạn Hoa Sim, được ghi nhận theo giá gốc, phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước là: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

8. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con.

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê địa điểm kinh doanh; được ghi nhận trên cơ sở hợp đồng thuê mặt bằng, chứng từ nhận tiền, hóa đơn.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán rượu, cung cấp dịch vụ nhà hàng, du lịch.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

14.1 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% đối với hoạt động kinh doanh nhà hàng khách sạn, hướng dẫn du lịch, kinh doanh rượu mẫu sơn.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế tiêu thụ đặc biệt

Công ty áp dụng thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt 65% đối với sản phẩm rượu từ 20 độ cồn trở lên.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền	6.492.863.934	5.883.378.893
Tiền mặt	2.243.823.353	4.777.487.333
Tiền gửi ngân hàng	4.249.040.581	1.105.891.560

Các khoản tương đương tiền	-	2.100.000.000
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	-	2.100.000.000
Cộng	6.492.863.934	7.983.378.893

2. Phải thu của khách hàng

	31/12/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Ngắn hạn</i>				
Sở giáo dục đào tạo tỉnh Lạng Sơn	189.352.000	-	100.830.000	-
Công ty Bảo Hiểm Bưu Điện Lạng Sơn	44.800.000	-	-	-
Công ty TNHH Trọng Tín (Nguyễn Quỳnh Nương)	40.039.994	-	40.860.000	-
Các đối tượng khác	220.067.840	(1.870.000)	832.031.044	-
Cộng	494.259.834	(1.870.000)	973.721.044	-

3. Trả trước cho người bán

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	390.998.000	470.398.000
Trả trước tiền mua nguyên liệu rượu	390.998.000	442.898.000
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long - CN Lạng Sơn	-	27.500.000
Cộng	390.998.000	470.398.000

4. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ
<i>Đầu tư và đơn vị khác</i>	-	-	-	64.622.821.897	-	64.622.821.897
Công ty CP Quốc tế Lạng Sơn (*)	-	-	-	64.622.821.897	-	64.622.821.897
Cộng	-	-	-	64.622.821.897	-	64.622.821.897

Khoản đầu tư nêu trên đều không xác định được giá trị hợp lý do không có giá giao dịch hoặc không có đầy đủ thông tin cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý có thể sẽ khác với giá trị ghi sổ.

(*) Công ty góp vốn với tỷ lệ 15% phần sở hữu và quyền biểu quyết tương ứng tại Công ty CP Quốc tế Lạng Sơn (trước đây là Công ty Liên doanh Quốc tế Lạng Sơn), có địa chỉ tại: Xã Hoàng Đồng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Nguồn vốn góp từ khoản vay 4.050.000 USD của Công ty CP Quốc tế Lạng Sơn. Bên bảo lãnh là Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Kể từ khi Công ty CP Quốc tế Lạng Sơn kinh doanh có lãi thì bên cho vay có quyền được khấu trừ phần lợi nhuận mà bên vay được hưởng theo tỷ lệ góp vốn trong liên doanh để trả cho khoản vay này. Theo đó, nếu công ty liên doanh chưa có lãi, làm cho Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn không có khả năng hoàn trả thì không phải hoàn trả, đợi đến khi được chia lãi thì công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn sẽ trả. Tại thời điểm 31/12/2021, khoản đầu tư của Công ty vào công ty CP Quốc tế Lạng Sơn đã được thoái toàn bộ theo Nghị quyết chuyển nhượng cổ phần và chuyển giao nghĩa vụ trả nợ số 22/NQ-HĐQT ngày 30/06/2021, Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 30/06/2021 và thỏa thuận bù trừ với khoản vay ngày 30/06/2021 giữa Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn và công ty CP Quốc tế Lạng Sơn.

5. Phải thu về cho vay

	31/12/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Ông Lý Hoài Nam	-	-	52.000.000	-
Cộng	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>52.000.000</u>	<u>-</u>

6. Phải thu khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Phải thu khác	1.026.004.863	-	1.549.578.484	(370.000.000)
Thuế tiêu thụ đặc biệt nguyên liệu rượu đầu vào	804.004.863	-	809.578.484	-
	804.004.863	-	809.578.484	-
Tạm ứng	222.000.000	-	740.000.000	(370.000.000)
- Bà Nguyễn Thị Thủy (Khách sạn Hoa Sim)	222.000.000	-	740.000.000	(370.000.000)
b) Dài hạn				
Phải thu khác	21.576.869.593	-	21.143.143.840	-
Công ty TNHH Thảo Viên (*)	21.156.869.593	-	20.343.143.840	-
Ký cược, ký quỹ	420.000.000	-	800.000.000	-
- Ký quỹ hoạt động du lịch lữ hành	120.000.000	-	500.000.000	-
- Ký quỹ hoạt động kinh doanh dịch vụ việc làm	300.000.000	-	300.000.000	-
Cộng	<u>22.602.874.456</u>	<u>-</u>	<u>22.692.722.324</u>	<u>(370.000.000)</u>

(*) Hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng số 35/HĐHTKD ngày 31/12/2020 giữa Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn và Công ty TNHH Thảo Viên về xây dựng khu Dân cư khối 3, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn. Thời gian hợp tác là 2 năm kể từ ngày 31/12/2020 đến hết ngày 31/12/2022. Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn được hưởng lợi nhuận là 8%/năm không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của dự án. Tiền đầu tư chuyển từ gốc và lãi cho vay đến ngày 31/12/2021 là 21.156.869.593 đồng mà Công ty TNHH Thảo Viên phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn.

c) Phải thu khác là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

7. Hàng tồn kho

	31/12/2021 VND		01/01/2021 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.532.971.549	-	3.340.138.865	-
Thành phẩm	457.369.028	-	406.612.463	-
Hàng hóa	243.456.991	-	150.097.853	-
Cộng	4.233.797.568	-	3.896.849.181	-

8. Tài sản dở dang
dài hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn</i>		
Công trình khách sạn Hoa Sim (*)	635.490.455	635.490.455
Cộng	635.490.455	635.490.455

(*) Do tình hình dịch bệnh Covid 19 trong năm bùng phát trong nước và trên thế giới, lĩnh vực hoạt động SXKD của Công ty chịu ảnh hưởng nặng nề, Công ty chưa triển khai phương án đầu tư tại Khách sạn Hoa Sim. Dự báo trong thời gian tới dịch bệnh tiếp tục có diễn biến phức tạp khó lường, Hội đồng quản trị quyết định tạm dừng triển khai đầu tư xây dựng khách sạn Hoa Sim trong năm 2021 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 20/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2021 của Hội đồng quản trị.

9. Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Đơn vị tính:
				VND
Nguyên giá				
Số dư ngày 01/01/2021	20.892.267.729	2.594.858.826	1.911.165.010	25.398.291.565
Mua trong năm	-	520.353.320	-	520.353.320
Số dư ngày 31/12/2021	20.892.267.729	3.115.212.146	1.911.165.010	25.918.644.885
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư ngày 01/01/2021	14.482.078.930	2.053.434.867	784.788.509	17.320.302.306
Khấu hao trong năm	1.182.072.053	209.057.521	222.061.368	1.613.190.942
Số dư ngày 31/12/2021	15.664.150.983	2.262.492.388	1.006.849.877	18.933.493.248
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2021	6.410.188.799	541.423.959	1.126.376.501	8.077.989.259
Tại ngày 31/12/2021	5.228.116.746	852.719.758	904.315.133	6.985.151.637

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.081.153.074 VND (Tại ngày 31/12/2020 là 5.752.483.801 VND)

10. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Chương trình phần mềm	Đơn vị tính: VND
		Cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2021	97.500.000	97.500.000
Số dư ngày 31/12/2021	97.500.000	97.500.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2021	97.500.000	97.500.000
Số dư ngày 31/12/2021	97.500.000	97.500.000
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2021	-	-
Tại ngày 31/12/2021	-	-
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 97.500.000 VND (Tại thời điểm 31/12/2020 là: 97.500.000 đồng)		

11. Chi phí trả trước

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
a) Ngắn hạn	136.070.726	16.856.061
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	136.070.726	16.856.061
b) Dài hạn	2.265.931.061	879.796.988
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	2.265.931.061	879.796.988
Cộng	2.402.001.787	896.653.049

12. Phải trả người bán

	31/12/2021 VND		01/01/2021 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn				
Hoàng Thị Khánh	27.570.000	27.570.000	63.760.000	63.760.000
Đình Hồng Vân	-	-	3.315.000	3.315.000
Công ty TNHH Thảo Viên	-	-	50.090.909	50.090.909
Công ty TNHH Sản Xuất và Dịch vụ TM Anh	-	-	9.090.909	9.090.909

Quang

Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hùng Đạt Nguyễn Bá Phúc	26.818.182	26.818.182	-	-
Đối tượng khác	10.500.000	10.500.000	-	-
	456.102	456.102	-	-
	-	-	-	-
Cộng	<u>65.344.284</u>	<u>65.344.284</u>	<u>126.256.818</u>	<u>126.256.818</u>

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

13. Người mua trả tiền trước

	<u>31/12/2021</u> VND	<u>01/01/2021</u> VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Công ty Zoje Lương Thị Tố Uyên	-	4.000.000
	-	9.000.000
Cộng	<u>-</u>	<u>13.000.000</u>

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	<u>01/01/2021</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>31/12/2021</u>
<i>a) Phải nộp</i>				Đơn vị tính: VND
Thuế GTGT đầu ra	190.881.061	757.140.494	815.188.445	132.833.110
Thuế tiêu thụ đặc biệt	32.562.847	249.922.253	268.695.633	13.789.467
Thuế thu nhập doanh nghiệp	112.802.176	27.878.569	140.680.745	-
Thuế thu nhập cá nhân	4.845.553	2.912.135	7.562.055	195.633
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	341.342.171	341.342.171	-
Các loại thuế khác	-	7.000.000	7.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	2.634.303	2.634.303	-
Cộng	<u>341.091.637</u>	<u>1.388.829.925</u>	<u>1.583.103.352</u>	<u>146.818.210</u>

b) Phải thu

Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	146.693.980	146.693.980
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	20.490.000	7.172.205	-	13.317.795
Cộng	20.490.000	7.172.205	146.693.980	160.011.775

15. Phải trả khác

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
a) Ngắn hạn	54.972.522	167.184.195
Bảo hiểm xã hội	9.104.342	1.480.675
Các khoản phải trả, phải nộp khác.	45.868.180	165.703.520
<i>Bà Nguyễn Tiêu Mai</i>	-	113.287.500
<i>Các đối tượng khác</i>	45.868.180	52.416.020
b) Dài hạn	50.000.000	50.000.000
Nhận ký quỹ ký cược	50.000.000	50.000.000
<i>Nguyễn Thị Nga - Ký quỹ thuê địa điểm kinh doanh</i>	50.000.000	50.000.000
Cộng	104.972.522	217.184.195

16. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngắn hạn		
Doanh thu cho thuê địa điểm kinh doanh	460.745.453	595.254.544
Cộng	460.745.453	595.254.544

17. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2021 VND		Trong năm VND		01/01/2021 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	55.000.000	55.000.000	55.000.000	170.000.000	170.000.000	170.000.000
Lê Như Quỳnh (1)	55.000.000	55.000.000	55.000.000	170.000.000	170.000.000	170.000.000
b) Dài hạn	-	-	-	64.622.821.897	64.622.821.897	64.622.821.897
Công ty CP Quốc tế Lạng Sơn (2)	-	-	-	64.622.821.897	64.622.821.897	64.622.821.897

Cộng	55.000.000	55.000.000	55.000.000	64.792.821.897	64.792.821.897	64.792.821.897
-------------	-------------------	-------------------	-------------------	-----------------------	-----------------------	-----------------------

(1) Các hợp đồng vay cá nhân bằng tiền mặt tại nhà hàng Nam Kai - Chi nhánh Công ty CP Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn với tổng số tiền 55.000.000 VND thời hạn vay 1 năm, lãi suất 0%.

(2) Vay góp vốn vào Công ty Liên doanh Quốc tế Lạng Sơn (nay là Công ty CP Quốc tế Lạng Sơn) với giá trị 4.050.000 USD. Bên vay là Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn ("Tocolimex"), bên bảo lãnh là Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Khoản tiền vay này được chuyển vào tài khoản chuyên dùng của Ban đền bù giải phóng mặt bằng TP Lạng Sơn phục vụ mục đích đền bù giải phóng mặt bằng khu đất của dự án liên doanh mà hai bên tham gia. Hoàn trả khoản vay: Kể từ khi Công ty Liên doanh quốc tế Lạng Sơn kinh doanh có lãi thì bên cho vay có quyền được khấu trừ phần lợi nhuận mà bên vay được hưởng theo tỷ lệ góp vốn trong liên doanh để trả cho khoản vay này. Nếu công ty liên doanh chưa có lãi làm cho Tocolimex không có khả năng hoàn trả thì không phải hoàn trả, đợi đến khi được chia lãi thì Tocolimex sẽ trả. Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty đã thanh lý khoản đầu tư vào Công ty CP Quốc tế Lạng Sơn bằng việc cản trừ với khoản vay này theo Nghị quyết chuyển nhượng cổ phần và chuyển giao nghĩa vụ trả nợ số 22/NQ-HĐQT ngày 30/06/2021, Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 30/06/2021 và thỏa thuận bù trừ ngày 30/06/2021.

18. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2020	39.579.000.000	(91.210.454)	(1.730.173.867)	37.757.615.679
Lãi trong năm trước	-	-	1.948.972.007	1.948.972.007
Tăng khác	-	91.210.454	-	91.210.454
Giảm khác	-	-	(91.210.454)	(91.210.454)
Số dư tại ngày 31/12/2020	39.579.000.000	-	127.587.686	39.706.587.686
Lãi trong năm nay	-	-	(41.750.237)	(41.750.237)
Số dư tại ngày 31/12/2021	39.579.000.000	-	85.837.449	39.664.837.449

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty TNHH Thảo Viên	7.843.010.000	7.843.010.000
Vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài	8.237.600.000	.237.600.000
<i>Công ty CP Quốc tế Lạng Sơn</i>	<i>537.600.000</i>	<i>537.600.000</i>
<i>Công ty TNHH Vui chơi giải trí và Du lịch Thái Dương</i>	<i>200.000.000</i>	<i>200.000.000</i>
<i>Bà Nguyễn Tiểu Mai (nhận thừa kế từ ông Nguyễn Chính Nghĩa quốc tịch Đài Loan)</i>	<i>7.500.000.000</i>	<i>7.500.000.000</i>
Các cổ đông khác	23.498.390.000	23.498.390.000
Cộng	39.579.000.000	39.579.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	39.579.000.000	39.579.000.000
Vốn góp đầu năm	39.579.000.000	39.579.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	39.579.000.000	39.579.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.957.900	3.957.900
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.957.900	3.957.900
- Cổ phiếu phổ thông	3.957.900	3.957.900
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.957.900	3.957.900
- Cổ phiếu phổ thông	3.957.900	3.957.900

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

e) Các quỹ của công ty

Khoản mục	01/01/2021	Tăng trong năm	Giảm trong năm (*)	Đơn vị tính: VND	
					31/12/2021
Quỹ đầu tư phát triển	3.895.147.734	-	500.000.000		3.395.147.734
Cộng	3.895.147.734	-	500.000.000		3.395.147.734

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

(*) Giảm trong năm do chuyển một phần quỹ đầu tư phát triển sang quỹ khen thưởng phúc lợi theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 24/BB-HĐQT ngày 29/09/2021

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
a) Doanh thu		

Doanh thu bán hàng	642.989.732	1.115.138.706
Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.249.831.934	17.206.587.064
Cộng	13.892.821.666	18.321.725.770

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn bán hàng	726.620.149	951.635.718
Giá vốn cung cấp dịch vụ	11.374.472.678	12.203.974.950
Cộng	12.101.092.827	13.155.610.668

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi	41.040.262	144.043.070
Lãi cho vay vốn	-	1.375.063.840
Tiền thu từ hợp tác kinh doanh	1.627.451.507	-
Cộng	1.668.491.769	1.519.106.910

4. Chi phí tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi ký quỹ thuê ki ốt kinh doanh	2.000.000	2.650.000
Cộng	2.000.000	2.650.000

5. Thu nhập khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập khác	35.000.001	39.267.745
Cộng	35.000.001	39.267.745

6. Chi phí khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí phạt lĩnh vực thuế	2.634.303	-

Chi phí phạt của UBCK	100.000.000	-
Chi phí khác	71.601	414.073
Cộng	102.705.904	414.073
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
<i>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</i>	<i>1.551.036.744</i>	<i>1.870.503.225</i>
Chi phí nhân viên	-	24.999.300
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.543.409.836	1.816.052.079
Chi phí bằng tiền khác	7.626.908	29.451.846
<i>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</i>	<i>2.371.349.629</i>	<i>2.789.148.276</i>
Chi phí nhân viên quản lý	1.226.741.472	1.078.382.493
Chi phí đồ dùng văn phòng	54.079.290	22.743.182
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	222.061.368	222.061.368
Thuế, phí và lệ phí	12.605.826	70.938.637
Chi phí dự phòng	1.870.000	370.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	809.841.673	968.717.596
Chi phí bằng tiền khác	44.150.000	56.305.000
<i>c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<i>(518.000.000)</i>	-
- Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(518.000.000)	-
Cộng	3.404.386.373	4.659.651.501
8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.292.464.780	7.982.272.312
Chi phí nhân công	3.683.028.381	3.561.767.099
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.613.190.942	1.612.782.902
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.424.199.870	3.046.360.840
Chi phí khác bằng tiền	1.326.850.521	982.065.001
Cộng	15.339.734.494	17.185.248.154
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
	Năm 2021	Năm 2020

	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	(13.871.668)	2.061.774.183
Các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	142.504.303	163.800
Lỗ được chuyển và bù trừ lãi lỗ các hoạt động	-	1.256.208.159
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	128.632.635	805.729.824
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	25.726.527	161.145.965
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, được giảm (*)	7.717.958	48.343.789
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp theo kết luận thanh tra thuế	9.870.000	
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	27.878.569	112.802.176
(*) Giảm theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 - Quy định chi tiết thi hành nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ quốc hội ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid-19.		

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(41.750.237)	1.948.972.007
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
+ Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm khác	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(41.750.237)	1.948.972.007
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.957.900	3.957.900
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(10,55)	492,43

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
--	-----------------	-----------------

Cần trừ khoản vay dài hạn của công ty CP Quốc tế Lạng Sơn với vốn góp vào công ty CP Quốc tế Lạng Sơn	64.622.821.897	-
---	----------------	---

	-	-
--	---	---

Cộng	<u>64.622.821.897</u>	<u>-</u>
-------------	------------------------------	-----------------

2. Số tiền đi vay thực thu trong năm

Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
-----------------	-----------------

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	<u>55.000.000</u>	<u>170.000.000</u>
--	-------------------	--------------------

Cộng	<u>55.000.000</u>	<u>170.000.000</u>
-------------	--------------------------	---------------------------

3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
-----------------	-----------------

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	<u>170.000.000</u>	<u>185.000.000</u>
---	--------------------	--------------------

Cộng	<u>170.000.000</u>	<u>185.000.000</u>
-------------	---------------------------	---------------------------

VIII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Danh sách các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Thảo Viên	Cổ đông

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Năm 2021	Năm 2020
----------	----------

<u>VND</u>	<u>VND</u>
------------	------------

<i>Bán hàng</i> Công ty TNHH Thảo Viên	151.137.148	195.774.294
--	-------------	-------------

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải thu khách hàng		
Công ty TNHH Thảo Viên	-	211.708.868
Phải trả người bán		
Công ty TNHH Thảo Viên	-	50.090.909
Phải thu khác		
Công ty TNHH Thảo Viên	21.156.869.593	20.343.143.840

Thu nhập và các khoản vay của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lương của Ban Giám đốc và người quản lý	342.310.431	438.165.385
Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị	96.000.000	60.000.000
Thù lao của các thành viên Ban kiểm soát	36.300.000	26.400.000
Cộng	474.610.431	524.565.385

Chi tiết thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm 2021 như sau

		Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền lương của Giám đốc và người quản lý khác			
Họ tên	Chức danh	342.310.431	438.165.385
Đậu Trường Sinh	Tổng giám đốc	186.021.969	231.384.615
Nguyễn Kim Thảo	Phó Tổng giám đốc	156.288.462	206.780.770
Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị			
Họ tên	Chức danh	96.000.000	60.000.000
Nguyễn Kim Thảo	Chủ tịch HĐQT Thành viên	36.000.000	24.000.000
Vũ Mộng Nương	HĐQT Thành viên	30.000.000	18.000.000
Đậu Trường Sinh	HĐQT	30.000.000	18.000.000

Thù lao của các thành viên Ban kiểm soát

Họ tên	Chức danh	36.300.000	26.400.000
Đỗ Thu Huyền	Trưởng BKS Thành viên	19.800.000	14.400.000
Bé Thị Thu Hương	BKS	16.500.000	12.000.000

3. Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Công nợ tài chính	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Các khoản vay	55.000.000	64.792.821.897
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	6.492.863.934	7.983.378.893
Nợ thuần	(6.437.863.934)	56.809.443.004
Vốn chủ sở hữu	43.059.985.183	43.601.735.420

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.492.863.934	7.983.378.893
Phải thu khách hàng và phải thu khác	23.095.264.290	23.296.443.368
Các khoản đầu tư tài chính	-	64.674.821.897
Cộng	29.588.128.224	95.954.644.158
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	55.000.000	64.792.821.897
Phải trả người bán và phải trả khác	170.316.806	343.441.013
Cộng		

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

<u>31/12/2021</u>	<u>Dưới 1 năm VND</u>	<u>Từ 1- 5 năm VND</u>	<u>Cộng VND</u>
Phải trả người bán và phải trả khác	120.316.806	50.000.000	170.316.806
Các khoản vay	55.000.000	-	55.000.000
<u>01/01/2021</u>	<u>Dưới 1 năm VND</u>	<u>Từ 1- 5 năm VND</u>	<u>Cộng VND</u>
Phải trả người bán và phải trả khác	293.441.013	50.000.000	343.441.01
Các khoản vay	170.000.000	64.622.821.897	64.792.821.897

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Tổng giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

<u>31/12/2021</u>	<u>Dưới 1 năm VND</u>	<u>Từ 1- 5 năm VND</u>	<u>Cộng VND</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.492.863.934	-	6.492.863.934
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.518.394.697	21.576.869.593	23.095.264.290
Các khoản đầu tư tài chính	-	-	
<u>01/01/2021</u>	<u>Dưới 1 năm VND</u>	<u>Từ 1- 5 năm VND</u>	<u>Cộng VND</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.983.378.893	-	7.983.378.893
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.153.299.528	21.143.143.840	23.296.443.368
Các khoản đầu tư tài chính	52.000.000	64.622.821.897	64.674.821.897

4. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán và Định giá ATC.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đậu Trường Sinh